

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2020/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 05/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1132/TTr-SXD ngày 30/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 05/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 4 như sau:

“1. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý, gồm:

a) Hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới;

c) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư hoặc đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp tại khoản 1 Điều này.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình đầu tư đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 12 như sau:

“1. Nước thải các đô thị, khu công nghiệp phải được thu gom vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung, để tiết kiệm chi phí xây dựng vận hành nhà máy xử lý đồng thời đảm bảo việc kiểm soát mức độ ô nhiễm của nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

2. Tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp chưa được kết nối hoặc điều kiện thực tế không cho phép kết nối với hệ thống thoát nước tập trung thì cho phép xử lý phi tập trung.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Trường hợp hệ thống thoát nước của khu dân cư nông thôn tập trung, làng nghề và khu công nghiệp đấu nối vào hệ thống thoát nước đô thị thì được coi như một hộ sử dụng dịch vụ thoát nước đô thị và phải tuân theo các quy định đấu nối của hệ thống thoát nước đô thị.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 như sau:

“3. Giá dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Riêng đối với khu công nghiệp thì giá dịch vụ thoát

nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu công nghiệp và quyết định về mức giá. Trước khi quyết định phải có ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng và Sở Tài chính.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 3 Điều 23 như sau:

“b) Cho ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong các khu công nghiệp để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 23 như sau:

“9. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong các khu công nghiệp trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải.

c) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong các khu công nghiệp.

d) Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải các khu công nghiệp theo định kỳ hàng năm và đột xuất về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 24 như sau:

“1. Tổ chức lập quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải (bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hố kiểm tra đến mạng lưới thoát nước cấp 3, cấp 2 và cấp 1) và là chủ sở hữu công trình thoát nước đô thị, khu công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn theo phân cấp.”

Điều 2.

1. Bỏ cụm từ “các Trưởng ban quản lý cụm công nghiệp” tại Điều 3 Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 05/3/2016 và tại khoản 2 Điều 26 “Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 05/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 14, khoản 4 Điều 17 “Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 05/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp
- UBMT Tổ quốc và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (Để tự kiểm tra và đăng tải CSDL);
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang; Đài PT&TH tỉnh;
- Như Điều 3; (thực hiện)
- Các Phó chánh VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

(Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Giang